

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 437/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 23/4/2019

V/v Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỦ ĐỨC - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Văn Thiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Quý;
2. Ông Chu Mạnh Tường.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trường Giang – Thư ký Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Lê – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 812/2018/TLST-HNGĐ ngày 24/7/2018 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Tuyết M, sinh năm: 1997

Địa chỉ thường trú: Thôn K, xã T, huyện D, tỉnh Lâm Đồng.

Địa chỉ tạm trú: 19/16 khu phố A, phường Đ, thị xã D, tỉnh Bình Dương.

2. *Bị đơn:* Ông Lê Anh T, sinh năm: 1993

Địa chỉ thường trú: 10/4 Đường H, khu phố N, phường V, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

(đương sự Nguyễn Thị Tuyết M và Lê Anh T đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

(1) Nguyên đơn Bà Nguyễn Thị Tuyết M trình bày: Bà M và ông Lê Anh T tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 2014, do hai bên tự tìm hiểu, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Linh Xuân, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ

Chí Minh. Sau khi đăng ký kết hôn vợ chồng sống chung tại địa chỉ 10/4 Đường H, khu phố N, phường V, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh được hơn 01 năm thì ông Lê Anh T đã bị Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương xử phạt 08 năm 03 tháng tù giam về hành vi mua bán trái phép chất ma túy. Ông Lê Anh T đang chấp hành hình phạt tù tại Trại giam An Phước, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương. Nhận thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà M khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông Lê Anh T để ổn định cuộc sống. Giữa bà M và ông Lê Anh T có 01 người con chung tên Lê Nguyễn Hân D, sinh ngày 19/11/2014, bà Nguyễn Thị Tuyết M yêu cầu sau khi ly hôn được quyền nuôi dưỡng, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung bà M xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

(2) Tại biên bản lấy lời khai ông Lê Anh T đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ông T xác định có đăng ký kết hôn với bà Nguyễn Thị Tuyết M tại Ủy ban nhân dân phường Linh Xuân, quận Thủ Đức, vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn, tuy nhiên vì phải đi chấp hành án phạt tù nên ông T đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà M, đồng ý giao con chung tên Lê Nguyễn Hân D, sinh ngày 19/11/2014 cho bà M trực tiếp nuôi dưỡng, ông T không cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung và nghĩa vụ chung ông T xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

(3) Tại phiên tòa sơ thẩm: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tuyết M, bị đơn ông Lê Anh T đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến: Tòa án đã tiến hành tố tụng từ khi thụ lý cho đến mở phiên tòa đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật. Hai bên đương sự đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận. Về nội dung, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ và hợp pháp, đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Nguyễn Thị Tuyết M khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Lê Anh T là tranh chấp hôn nhân gia đình thuộc trường hợp được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn ông Lê Anh T đã cư trú và đăng ký thường trú tại địa chỉ: 10/4 Đường số 7, khu phố 5, phường Linh Xuân, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Nguyên đơn Nguyễn Thị Tuyết M và bị đơn ông Lê Anh T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3.1] *Về quan hệ hôn nhân*: Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 178/2014, quyển số 01/2014 do Ủy ban nhân dân phường Linh Xuân, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23/12/2014, có cơ sở xác định giữa bà Nguyễn Thị Tuyết M và ông Lê Anh T có quan hệ hôn nhân hợp pháp. Nhận thấy, thời gian ông Lê Anh T và bà Nguyễn Thị Tuyết M chung sống với nhau quá ngắn, thì ông T đã phải đi chấp hành án phạt tù, bà M một mình phải nuôi con nhỏ vừa kiếm tiền để trang trải cuộc sống hàng ngày, không có chồng bên cạnh để chia sẻ làm cho bà M chán nản vì mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, bà M đã khởi kiện yêu cầu ly hôn và được ông Lê Anh T đồng ý. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa Bà Nguyễn Thị Tuyết M và ông Lê Anh T thuộc trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014. Do vậy yêu cầu của bà Nguyễn Thị Tuyết M được ly hôn với ông Lê Anh T là có cơ sở chấp nhận.

[3.2] *Về con chung*: Căn cứ vào bản sao khai sinh số 33/2015, quyển số 01/2014 đăng ký ngày 27/02/2015 tại Ủy ban nhân dân xã Tân Nghĩa, huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng, cùng với sự thừa nhận của các bên đương sự. Có cơ sở xác định Bà Nguyễn Thị Tuyết M và ông Lê Anh T có 01 người con chung tên là Lê Nguyễn Hân D, sinh ngày 19/11/2014. Xét thấy, yêu cầu được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng của bà M đã được bị đơn ông Lê Anh T đồng ý, phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Do vậy, yêu cầu nuôi con của bà M có cơ sở chấp nhận.

[3.3] *Về tài sản chung và nghĩa vụ chung*: Bà Nguyễn Thị Tuyết M và ông Lê Anh T cùng xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] *Về án phí*: Án phí dân sự sơ thẩm nguyên đơn Nguyễn Thị Tuyết M phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 186, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 273, Điều 280, Điều 482 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 51, Điều 54, Điều 55, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Nguyễn Thị Tuyết M được ly hôn với ông Lê Anh T.

- *Về con chung*: Giao con chung tên Lê Nguyễn Hân D, sinh ngày 19/11/2014 cho bà Nguyễn Thị Tuyết M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Không bên nào được ngăn cản quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Vì lợi ích mọi mặt của con chưa thành niên, khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án để thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- *Về cấp dưỡng nuôi con*: Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị Tuyết M về việc không yêu cầu ông Lê Anh T cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung và nghĩa vụ chung*: Bà Nguyễn Thị Tuyết M và ông Lê Anh T cùng xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: 300.000 (ba trăm nghìn) đồng buộc Bà Nguyễn Thị Tuyết M phải nộp theo quy định, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà M đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0022264 ngày 24/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Nguyễn Thị Tuyết M đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức;
- Thi hành án dân sự quận Thủ Đức;
- Các đương sự;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Lưu HS,VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Cao Văn Thiên